TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày 24/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doanh Thị Mây

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đàm Thế Dũng

Bà: Dương Thị Lầu

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020 đối với:

1. Bị cáo **Sầm Văn L**, sinh ngày 01/01/1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm B, xã P, huyện B, tỉnh C.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không biết chữ;

Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Sầm Văn C, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1960;

Vợ: Hứa Thị S1, sinh năm 1982; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001 và con nhỏ sinh năm 2002;

Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 18/6/2019 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo **Sầm Văn S**, sinh năm 1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm B, xã P, huyện B, tỉnh C.

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: Không biết chữ;

Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Sầm Văn C, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1960;

Vợ: Thào Thị P, sinh năm 1985; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2018 và con nhỏ sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh C từ ngày 11/10/2019 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2.2 Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Nguyễn Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

2.3 Bị hại:

- Bà Nông Thị Ch, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nông Thị Ch: Bà Nông Thị L1, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Xóm B, xã H, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Bàn Vần L2, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Xóm P, xã H, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Hoàng Kìm H, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Xóm N, xã H, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Nông Văn T1, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Phùng Trằn L3, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Xóm L, xã X, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Vầy Văn B, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Xóm K, xã C, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Bà Lý Thị L4, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Đặng Tòn B1, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Xóm T, xã K, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Bà Nông Thị Th, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Nông Văn L5, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Chảo Chàn T3, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Xóm K, xã V, huyện BL, tỉnh

C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Đặng Văn L6, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Triệu Văn M, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Triệu Văn N, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Nông Văn T2, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Xóm C, xã H, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

2.4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lục Văn H1, sinh năm 1977, Nơi cư trú: xóm T, xã K, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa);

- Ông Triệu Văn P1, sinh năm 1979; Nơi cư trú: xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa);

- Ông Triệu Văn S2, sinh năm 1991; Nơi cư trú: xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Phạm Quang Đ, sinh năm 1996; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã V, huyện T, thành phố H; Nơi tạm trú: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa);

- Bà Hứa Thị S1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: xóm K, xã P, huyện B, tỉnh C (Cómặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 16/6/2019, Sầm Văn S sinh năm 1986, trú tại xóm B, xã P, huyện B, tỉnh C đến nhà Sầm Văn L sinh năm 1984 là anh trai ruột ở cùng xóm, S rủ L đi trộm xe máy đem sang TQ bán, Lềnh đồng ý. S điều khiển xe máy Honda Wave RSX, màu vàng đen, gắn biển 11L1-111.11 (biển xe máy này là biển giả) chở L từ xã P đến thị trấn B để tìm trộm xe máy, S chở L đến khu vực xóm K, xã H, huyện B thì thấy ba chiếc xe máy đang dựng trước cửa nhà, lúc đó vào khoảng 02 giờ ngày 17/6/2019. L nói với S "Có xe Wave alpha xuống trộm thôi", Sần điều khiển xe máy đi thêm khoảng 20 mét thì dừng lại quan sát, rồi cả hai người đi bộ quay lại để trộm xe máy. Khi đến gần L vào dắt xe máy Wave alpha màu sơn đen bạc, xe chưa lắp biển số. S giúp đẩy đuôi xe máy, khi dắt được xe máy đến nơi xe máy mà S đã dựng trước đó thì dừng lại, do xe không có chìa khóa nên L rút dây điện và đấu nối lại với mục đích để mở khóa điện rồi nổ máy xe. Sau khi nối được dây điện xe S nổ máy và điều khiển xe vừa trộm được còn L điều khiển xe máy gắn biển 11L1 - 111.11 đến xóm L, xã X, huyện B để cất giấu xe máy vừa trộm được. Sau khi cất giấu xe L dùng điện thoại OPPO màu hồng lắp sim có số điện

thoại 0333946426 và số 0836384332 để gọi cho một người đàn ông TQ, tên thường gọi là D1 để hẹn sang biên giới V - TQ bán xe máy vừa trộm được. Sau đó hai người đi xe máy biển kiểm soát 11L1 - 111.11 quay về thị trấn B và vào cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại SG tại Tổ dân phố A, thị trấn B cầm cố chiếc điện thoại OPPO màu hồng cho anh Phạm Quang Đ với giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và chơi ở thị trấn B. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 18/6/2019 S và L từ thị trấn B đến xóm L, xã X để lấy xe máy đã cất giấu trước đó đi bán cho D1 thì bị tổ công tác Đồn Biên phòng X và Công an huyện B bắt quả tang. Trong quá trình bắt giữ Sầm Văn S bỏ chạy còn Sầm văn L bị bắt, tang vật thu giữ gồm: Một xe máy Honda Wave alpha màu đen bạc, số khung 3913KY054170, số máy JA39E0910175 không có biển số; Một xe máy Honda Wave RSX màu vàng đen, số khung 102157, số máy 192662, lắp biển số giả 11L1 - 111.11.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 19 ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận chiếc xe máy Honda Wave alpha màu đen bạc, BKS 11L1- 121.04 có số khung 3913KY054170, số máy JA39E0910175 không có biển kiểm soát có giá trị 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) là xe của chị Nông Thị Th, nơi cư trú xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C.

Vụ án được khởi tố điều tra theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra Sầm Văn L khai nhận ngoài lần trộm cắp ngày 17/6/2019 hai anh em S và L còn cùng nhau trộm cắp nhiều xe máy khác tại các xã của huyện B và huyện BL, tỉnh C.

Sầm Văn S sau khi bỏ chạy đã trốn sang TQ làm thuê, đến ngày 10/10/2019 S sử dụng xe máy Honda S màu đen, biển kiểm soát LIC709 (biển số xe TQ) về V đón con trai là Sầm Văn T3 tại N, xã V, huyện BL, tỉnh C. Trên đường đưa con sang TQ đến xóm C, xã C, huyện B thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện và triệu tập về trụ sở Công an huyện B.

Ngày 11/10/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định khởi tố bị can đối với Sầm Văn S để điều tra theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra Sầm Văn L và Sầm Văn S đều khai nhận ngoài lần bị bắt quả tang vào ngày 18/6/2019 L và S còn được cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện B và huyện BL, tỉnh C 14 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 13 giờ ngày 20/6/2018, L và S đi xe máy từ nhà đi theo đường Quốc lộ 34 hướng ra thành phố C, khi đến đoạn đường thuộc xóm K, xã H thấy một xe máy dựng tại lề đường ta luy âm, S và L đi qua quan sát thấy không có người nên dừng xe đi bộ quay lại, do xe khóa cổ nên cả hai người giúp nhau bẻ khóa, L đấu nối dây điện, sau khi nổ được xe máy S điều khiển xe máy vừa trộm được đi lên khu vực mốc 591 thuộc xóm L bán xe máy cho D1 người TQ số tiền bán xe do đã lâu nên không nhớ được bao nhiêu. L điều khiển xe máy của L đi theo đường bờ sông G vào mốc 590 đợi S. Sau khi bán được xe máy S đi bộ theo đường mòn xuống bờ sông gặp L cả hai quay về thị trấn B đổi tiền rồi chia đôi.

Tại kết luận định giá tài sản số 22 ngày 20/12/2018 xe máy Honda Wave RSX màu đen, BKS 11L1- 085.87 số khung 142072, số máy 061504 có giá trị 22.320.000đ (Hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) xe này của anh Đặng Văn L6, cư trú tại xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C.

Lần thứ 2: Khoảng 20 giờ ngày 14/8/2018 S và L đi xe máy của L theo đường 4A hướng đi huyện T. Khoảng 02 giờ ngày 15/8/2018 khi đến đoạn đường thuộc xóm L, xã X, huyện B thấy giữa một nhà xây và một nhà gỗ ở cạnh đường có một xe máy Honda Wave RSX màu đỏ đen. Cả hai đi xe máy vượt qua một đoạn rồi cùng đi bộ quay lại quan sát, do xe khóa cổ L cầm tay lái, S nhấc bánh trước đẩy lùi xe máy ra đường Quốc lộ cách xa nhà khoảng 20 mét rồi giúp nhau bẻ khóa cổ xe. S cầm đèn pin soi, L đấu nối dây điện, nổ được xe máy S điều khiển xe vừa trộm được quay lại K rồi rẽ vào khu vực mốc 591 thuộc xóm L, xã K bán xe cho D1 người TQ rồi quay về chia đôi số tiền. Số tiền bán xe do đã lâu nên L và S đều không nhớ là bao nhiêu.

Tại kết luận định giá tài sản số 24 ngày 09/11/2018 xe máy Honda Wave RSX, màu sơn đỏ đen, BKS 11L1- 077.53 số khung 423181, số máy 116954 có giá trị 24.300.000đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng) xe này của anh Phủng Trằn L3, cư trú tại xóm L, xã X, huyện B, tỉnh C.

Lần thứ 3: Vào khoảng 07 giờ ngày 05/6/2019 S điều khiển xe máy từ nhà đến nhà L rủ đi trộm xe máy, L đồng ý. Cả hai đi bằng xe máy Honda Wave RSX màu xanh đen của L chưa lắp biển số, S chở L từ P đến cổng trường tiểu học N thuộc xóm K, xã H, huyện B thì thấy có ba xe máy, trong đó có một xe máy Honda Wave RSX, màu sơn vàng đen, biển kiểm soát 11L1 - 045.91 khi thấy xe máy S chở L quay lại dừng xe ở lề đường Quốc lộ L đứng trên đường cảnh giới, S đến đấu nối dây điện nhưng do xe khóa cổ, S gọi L xuống giúp bẻ khóa, bẻ được khóa xe S nổ máy xe và điều khiển xe vừa trộm được còn L điều khiển xe của S cùng đi về B, xã P, huyện B. Đến ngày 10/6/2019 S và L sử dụng xe máy 11L1 - 045.91 đến nhà Lục Văn H1 sinh năm 1977, cư trú tại xóm T, xã K, huyện B. Tại nhà H1 S tháo biển số xe cầm cố với H1 lấy 1.000.000đ (Một triệu đồng) và hẹn ba ngày sau sẽ đến trả.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20 ngày 24/6/2019 xe máy Honda Wave RSX màu vàng đen 11L1-045.91 có số khung RLHJA311OEY102157, số máy JA31E0192662, BKS có giá trị 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Chiếc xe này là xe máy của anh Triệu Văn N, cư trú tại xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C. (Giấy đăng ký xe mang tên Triệu Văn S2 là em ruột của Triệu Văn N).

Lần thứ 4: Vào khoảng 22 giờ ngày 10/6/2019 S điều khiển xe máy Honda Wave RSX, biển kiểm soát 11L1 - 045.91 (xe trộm được ngày 05/6/2019) chở L đến xóm T, xã K, huyện B để tìm trộm xe máy. Đến khoảng 02 giờ ngày 11/6/2019 S và L thấy một xe máy Honda Wave RSX, biển kiểm soát 11L1 - 111.58 màu sơn đen đỏ để ở dưới gầm sàn nhà. Do xe không khóa cổ, S và L giúp nhau dắt xe máy ra ngoài đường cách nhà khoảng 20 mét, S đấu nối dây điện, còn L đứng cảnh giới, khi đấu nối dây điện xong L nổ máy và điều khiển xe vừa trộm được còn S điều khiển xe máy trộm ở K, H và cùng đi

đến khu vực biên giới mốc V - T thuộc xóm L, xã K bán xe máy cho người đàn ông TQ tên là D1 được 1.200 NDT (Một nghìn hai trăm Nhân dân tệ). Trước khi bán xe cho D1, S tháo biển số 11L1 - 111.58 của chiếc xe vừa trộm được để lắp vào xe máy Hon da Wave RSX đã trộm ở K, H vào ngày 05/6/2019. Thay hai số cuối biển số 11L1 - 111.(58) thành 11L1 - 111(11). Sau đó cả hai đi về thị trấn B đổi sang tiền V và chia đôi số tiền này.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 24/6/2019 xe máy Honda Wave RSX màu đen đỏ, BKS 11L1- 111.58 số khung 382XKY005106, số máy JA38E0448054 có trị giá 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng) là của anh Đặng Tòn B1, cư trú tại xóm T, K, huyện B, tỉnh C.

Lần thứ 5: Vào khoảng 08 giờ ngày 23/6/2018, S và L cùng nhau đi chung một xe máy từ nhà đến xã H, huyện B để tìm trộm cắp xe máy. S và L đến chợ L, xã H thấy có nhiều xe máy để ở hai bên đường. L xuống xe đi về phía đường ta luy âm còn S ngồi trên xe máy để cảnh giới. L thấy có một xe máy Honda Wave RSX, màu đen đỏ không khóa cổ, L dắt xe máy và ngồi lên xe thả trôi dốc theo đường hướng đi xóm B, xã H, thấy vậy S điều khiển xe máy đi theo sau. Đi được một đoạn L dừng lại để đấu nối dây điện, nổ được xe máy vừa trộm, L điều khiển xe máy của S còn S điều khiển xe máy vừa trộm được cùng đi đến khu vực biên giới mốc thuộc xóm L, xã K, để bán cho người đàn ông TQ tên là D1 bán được xe rồi chia tiền mỗi người một nửa. Số tiền bán xe máy đã lâu nên không nhớ là bao nhiêu. Xe máy này là của anh Triệu Văn M cư trú tại xóm Kc, H, B, tỉnh C. (Giấy đăng ký xe mang tên Triệu Văn P1 là anh ruột của Triệu Văn M).

Lần thứ 6: Vào khoảng 10 giờ ngày 04/9/2018 L và S đi từ nhà chung một xe máy của S theo đường tỉnh lộ 202 từ xã P đi H, đến đoạn đường thuộc xóm P, xã H thấy có một xe máy Honda Wave RSX BKS 11L1- 075.65 màu sơn đỏ đen để ở bờ đường ta luy âm. S và L đã cùng nhau trộm xe máy rồi mang bán cho người đàn ông tên D1 người TQ được 1.000 NDT (Một nghìn Nhân dân tệ), sau đó quay về thị trấn B đổi tiền V và chia nhau. Xe máy này là xe của anh Bàn Vần L2, cư trú tại xóm P, xã H, huyện B, tỉnh C.

Lần thứ 7: Vào khoảng 21 giờ ngày 14/01/2019 S và L đi xe chung một xe máy từ nhà đến thị trấn B, khi đến trước cửa nhà khách sạn Q thuộc tổ dân phố A, thị trấn B thấy một xe máy Honda Wave RSX màu sơn đen xanh, BKS 11L1 - 094.30 dựng tại lề đường, do lúc đó còn thấy người đi lại nên L và S đi chơi đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/01/2019 thì quay lại trộm xe. Trộm được xe S và L mang bán cho người đàn ông tên D1 người TQ được 1.200 NDT (Một nghìn hai trăm Nhân dân tệ) sau đó quay về thị trấn B đổi sang tiền V và chia đôi số tiền. Xe máy này là xe của anh Vầy Văn B, cư trú tại xóm K, xã C, huyện B, tỉnh C.

Lần thứ 8: Vào khoảng 16 giờ ngày 10/02/2019, L cùng S đi chung một xe máy từ nhà đến xã H, huyện B với mục đích trộm xe máy. Khi đến gần nhà anh Nông Văn T2, xóm C, xã H, huyện B S dừng xe ở ngoài, một mình đi vào nhà anh T2 hỏi chuyện với mục đích thăm dò khoảng 05 phút sau S đi ra bảo với L: "Nhà này có xe Honda Wave RXS", sau đó L và S đến chợ H chơi mục đích đợi đến đêm sẽ đến trộm xe máy. Đến

nửa đêm L và S từ chợ xã H đi thẳng lên nhà anh T2 để trộm xe máy. Khi trộm được xe máy, S điều khiển xe máy vừa trộm được, còn L điều khiển xe máy của S cùng đến biên giới mốc thuộc xóm L, xã K bán xe máy cho người đàn ông T tên D1 được 1.200 NDT (Một nghìn hai trăm Nhân dân tệ) sau đó quay về đổi sang tiền V và chia đôi số tiền này. Xe máy này là của anh Nông Văn T2, cư trú tại xóm C, xã H, huyện B, tỉnh C.

Lần thứ 9: Khoảng 20 giờ ngày 27/4/2019 L và S đi xe máy của S đến xã T để tìm trộm xe máy. Khoảng 22 giờ 30 phút đến địa phận xóm B, xã T, huyện B. S và L đi bộ xung quanh xóm, thấy có một xe máy Honda Wave RSX biển kiểm soát 11L1- 047.05 màu sơn đỏ đen ở dưới gầm sàn nhà. Quan sát không thấy ai, L và S đi vào trộm xe máy, sau khi trộm được xe máy mang bán cho người đàn ông tên D1 người TQ được 700 NDT (Bảy trăm Nhân dân tệ), sau đó đổi sang tiền V và chia đôi số tiền này. Xe máy này là của chị Lý Thị L4, cư trú tại xóm B, xã T, huyện B, tỉnh C.

Lần thứ 10: Khoảng 07 giờ ngày 14/5/2019 L và S đi chung một xe máy từ thị trấn B đến xã C, huyện B để tìm trộm xe máy. Khoảng 08 giờ 30 phút, L và S đến đoạn đường thuộc xóm C, xã C, B thấy một xe máy Honda Wave RSX màu sơn đen trắng BKS 11L1-117.66 dựng ở bên lề đường ta luy âm, lúc đó S điều khiển xe máy đi thêm một đoạn thì dừng lại, S ngồi trên xe máy để cảnh giới còn L xuống trộm xe, sau đó S điều khiển xe của S, L điều khiển xe máy vừa trộm được cùng đến biên giới mốc bán xe máy cho người đàn ông TQ tên D1 được 1.000.NDT (Một nghìn Nhân dân tệ), và chia đôi số tiền này. Xe máy này của anh Nông Văn L5 cư trú tại xóm N, xã Đ, huyện BL, tỉnh C.

Tại kết luận định giá tài sản số 26 ngày 03/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B đã kết luận: Xe Honda Wave RSX, màu sơn đen, BKS 11L1-087.88 số khung 079797 số máy 0187117 có trị giá 17.544.000đ (Mười bảy triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng); Xe Honda Wave RSX, màu sơn đỏ đen, BKS 11L1-075.65 số khung 072821, số máy 0441381 có giá trị là 15.008.000đ (Mười năm triệu không trăm linh tám nghìn đồng); Xe Honda Wave RSX, màu sơn đen, BKS 11L1- 094.30 số khung 117193, số máy 0246042 có giá trị là 17.790.500đ (Mười bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng); Xe Honda Wave RSX, màu sơn đen trắng, BKS 11L1-107.95 số khung 125062, số máy 0347780 có giá trị là 19.746.000đ (Mười chín triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng); Xe Honda Wave RSX, màu sơn đen đỏ, BKS 11L1- 047.05 số khung 108675, số máy 0204375 có giá trị là 11.934.000đ (Mười một triệu chín trăm ba mươi tư nghìn đồng); Xe Honda Wave RSX, màu sơn đen đỏ, BKS 11L1-117.66, số khung 002799, số máy 451254 có giá trị là 20.415.501đ (Hai mươi triệu bốn trăm mười năm nghìn năm trăm linh một đồng)

Lần thứ 11: Khoảng 07 giờ ngày 10/4/2018 S và L đi từ nhà bằng xe máy của L đến chợ L, xã H mục đích đi trộm xe máy. Khi đến chợ, cả hai quan sát thấy xe máy Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS 11L1- 051.49 dựng ở lề đường không thấy có người để ý S vào kiểm tra do xe khóa cổ nên L vào giúp S bẻ khóa. S điều khiển xe máy trộm được đến khu vực mốc bán xe máy cho D1 người TQ, L điều khiển xe máy của L đi qua đường bờ sông G hướng vào mốc đợi S ở đường bờ sông thuộc xóm C, xã Kn.

Bán xe xong S đi bộ theo đường mòn xuống gặp L rồi cả hai quay về thị trấn B đổi tiền rồi chia đôi, số tiền bán xe do đã lâu nên không nhớ là bao nhiêu. Xe máy này là của chị Nông Thị Ch, trú tại tổ dân phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh C.

Lần thứ 12: Khoảng 07 giờ ngày 16/4/2018 L và S rủ nhau từ nhà đi trộm xe máy, L chở S đến chợ thị trấn B, khi đến đoạn ngã ba thuộc tổ dân phố O, thị trấn B thấy đoạn đường bờ sông hướng vào trường học có nhiều xe máy. L điều khiển xe đến vị trí có nhiều xe máy, L cho S xuống xe đứng cảnh giới, L đi vào bẻ khóa, đấu nối dây điện, khi nổ máy xe được L gọi S đến điều khiển xe vừa trộm được, L điều khiển xe của L cùng đi đến cây xăng xóm C, K. L điều khiển xe theo đường bờ sông G hướng vào mốc đợi S ở đường bờ sông thuộc xóm C, xã K. S điều khiển xe trộm được đi vào xóm L, xã K thuộc mốc bán xe máy cho D1 người TQ. Sau khi bán xe máy S đi bộ theo đường xuống bờ sông gặp L, hai người chia tiền rồi quay về, số tiền bán xe không nhớ là bao nhiêu. Xe máy này là của ông Nông Văn T1, cư trú tại xóm L, xã H, huyện B, tỉnh C.

Lần thứ 13: Khoảng 19 giờ ngày 28/5/2019 S và L đi xe máy từ nhà đến xã V, huyện BL, tỉnh C. Đến khoảng 01 giờ ngày 29/5/2019 đến xóm K, xã V thấy một xe máy Honda Wave RSX màu đỏ đen dựng dưới gầm sàn nhà. Cả hai đi xe máy vượt qua nhà anh T3 khoảng 40 mét thì dừng xe đi bộ quay lại vào gầm sàn nhà kiểm tra thấy xe không khóa cổ, S dắt, L đẩy đuôi xe máy đến cách vị trí để xe của S và L khoảng 20 mét thì dừng lại. L sử dụng đèn pin điện thoại soi, S đấu nối dây điện nổ máy xe, S điều khiển xe vừa trộm được đi thẳng khu vực mốc thuộc xóm L, xã K bán xe cho D1 người TQ. L điều khiển xe ban đầu đi đến đoạn đường vào mốc 590 đợi S, khi bán xong xe máy S đi bộ theo đường mòn xuống chỗ L rồi cả hai quay về thị trấn đổi tiền và chia đôi số tiền, số tiền bán xe không nhớ là bao nhiêu. Xe máy này là của anh Chảo Chàn T3, cư trú tại xóm K, xã V, huyện B, tỉnh C.

Lần thứ 14: Khoảng 20 ngày 12/6/2019 S và L đi xe máy từ nhà theo đường Quốc lộ hướng thành phố C, mục đích đi tìm xe máy để trộm. Đến khoảng 01 giờ ngày 13/6/2019 khi đến đoạn đường thuộc xóm P 1, xã Đ thấy một xe máy Honda Blade màu đỏ đen, để trước cửa nhà. Cả hai điều khiển xe máy vượt qua rồi cùng nhau đi bộ quay lại, thấy xe khóa cổ cả hai cùng nhau bẻ khóa, S soi đèn pin cho L đấu nối dây điện, nổ được xe S điều khiển xe máy vừa trộm được, L điều khiển xe máy ban đầu quay về thị trấn B thì đổi xe. L điều khiển xe trộm được đi vào mốc thuộc xóm L bán xe máy cho D1 người TQ. S điều khiển xe máy đi vào khu vực mốc đợi L. Bán được xe L đi bộ theo đường mòn xuống chỗ S đợi rồi cả hai quay về thị trấn B đổi tiền rồi chia nhau, số tiền bán xe không nhớ là bao nhiêu. Xe máy này là của anh Hoàng Kìm H cư trú tại xóm N, xã H, huyện B, tỉnh C.

Tại kết luận định giá tài sản số 31 ngày 14/11/2019 của hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: Xe Honda Wave RSX, màu sơn đen đỏ, BKS 11L1- 051.49 số khung 053685, số máy 0053746 có giá trị là 18.900.000đ (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng); Xe Honda Wave RSX, màu sơn xanh đen nhám, BKS 11L1- 096.93 số khung 125234, số máy 263545 có giá trị 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng); Xe Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS 11L1- 092.66 số khung 117225, số máy 240654 có giá trị

24.300.000đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng); Xe Honda Blade màu đỏ đen, BKS 11B1- 215.79 số khung 129936, số máy 263545 có giá trị 20.145.000đ (Hai mươi triệu một trăm bốn mươi năm nghìn đồng)

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 19, 20, 21 ngày 24/6/2019; Bản kết luận định giá tài sản số 22 ngày 20/12/2018; Bản kết luận định giá tài sản số 24 ngày 09/11/2018; Bản kết luận định giá tài số 26 ngày 03/9/2019, Bản kết luận số định giá tài sản số 31 ngày 14/11/2919 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh C. Kết luận giá trị 15 (Mười năm) chiếc xe máy do Sầm Văn S và Sầm Văn L trộm cắp có tổng giá trị là: 291.403.001đ (Hai trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm linh ba nghìn không trăm lẻ một đồng).

Ngoài ra L và S còn khai nhận vào khoảng tháng 3/2019 không nhớ ngày cụ thể, khoảng 01 giờ sáng L và S cùng trộm một xe máy không nhớ loại xe và biển kiểm soát tại khu vực đường bờ sông N, gần quán sửa xe máy T thuộc tổ dân phố A, thị trấn B. Đối với vụ việc này qua lời khai của L và S cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra thông báo tìm chủ xe máy bị mất, nhưng đến nay chưa xác định được người bị hại. Do không nhớ đặc điểm xe, biển kiểm soát như thế nào nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không có căn cứ định giá và xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với L và S. Vụ việc này Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSBL ngày 20/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Sầm Văn L, Sầm Văn S về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố các bị cáo Sầm Văn L, Sầm Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm điểm a khoản 3 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Đề nghị khung hình phạt đối với các bị cáo: Bị cáo Sầm Văn L, Sầm Văn S từ 09 (Chín) đến 10 (Mười) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Sầm Văn L, Sầm Văn S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan toàn bộ giá trị tài sản bị thiệt hại.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Trả lại cho chị Nông Thị Th xe máy Honda Wave alpha, màu đen bạc, BKs 11L1-121.04, số khung 3913KY054170, số máy JA39E0910175, đăng ký xe mang tên Nông Thị Th (xe không lắp biển kiểm soát);

Trả lại cho anh Triệu Văn N xe máy Honda Wave RSX, màu sơn vàng đen, BKS

11L1-045.91 số khung RLHJA3110EY102175, số máy JA31E0192662, đăng xe mang tên Triệu Văn S2 là xe của anh Triệu Văn N và BKS 11L1-045.91;

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước đối với: Một điện thoại di động cảm ứng OPPO màu hồng, số IMEIL1: 867609031895071, số IMEL2: 867609031895063 lắp sim số: 0333.946.426 là điện thoại của Sầm Văn L; Một xe máy Yamaha Jupiter màu đỏ đen, biển kiểm soát 11L1- 075.43, số khung RLCUE1340GY030680, số máy E3S1E063684 của Sầm Văn L và một Giấy đăng ký xe máy mang tên Sầm Văn L tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước: Một xe máy Honda S, biển kiểm soát LIC709, số khung LTMPCHKA2G5114142, số máy G5007497; Một điện thoại cảm ứng, nhãn hiệu AOLE, số IMEL1: 863950022573184, số IMEL2: 863950022573184, lắp sim số : 008618277618179 của Sầm Văn S là tài sản không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo Sầm Văn L, Sầm Văn S bà Nguyễn Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C trình bày: Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo L và S về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 cũng như Bản luận tội và mức án và khung hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân và hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, sinh ra trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, không được đi học nên trong nhận thức và suy nghĩ có phần hạn chế, không nhận thức được đầy đủ thiệt hại mà hành vi của mình gây ra. Khi bị phát hiện cũng đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Các bị cáo Sầm Văn L, Sầm Văn S thừa nhận hành vi phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Sầm Văn L, Sầm Văn S đều thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi trộm cắp các bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đã nhiều lần cùng nhau trộm cắp tài sản của nhiều người đem bán phục vụ cho nhu cầu của cá nhân. Hành vi của các bị cáo xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương.

Toàn bộ 15 (Mười năm) chiếc xe máy do Sầm Văn S và Sầm Văn L trộm cắp trong thời gian từ tháng 04/2018 đến tháng 6/2019 được Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận có tổng giá trị là: 291.403.001đ (Hai trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm linh ba nghìn không trăm lẻ một đồng).

“Điều 173: Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

2. . .

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phát tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000đồng đến dưới 500.000.000 đồng;”

Như vậy, hành vi của các bị cáo Sầm Văn L, Sầm Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc truy tố đối với các bị cáo Sầm Văn L, Sầm Văn S về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân các bị cáo Sầm Văn L, Sầm Văn S là hai anh em ruột đều được sinh ra và lớn lên tại xóm B, xã P, huyện B, tỉnh C. Là người dân tộc thiểu số, không được đi học. Nhưng các bị cáo đều còn trẻ, có sức khỏe, đầy đủ nhận thức, đã có gia đình riêng, có vợ con nhưng lười lao động, đua đòi nên đều mắc nghiện ma túy. Trong một thời gian dài các bị cáo cùng nhau thực hiện việc trộm cắp tài sản (xe máy) để

phục vụ cho nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân. Các bị cáo có nhân thân xấu. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể. Quá trình điều tra các bị cáo còn quanh co, chưa thật thà khai báo. Các bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của các bị hại là chính đáng và có căn cứ nên buộc các bị cáo Sầm Văn L, Sầm Văn S phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản cho các bị hại. Tất cả các lần trộm cắp đều có sự tham gia của cả hai bị cáo, sau khi bán được tài sản số tiền đều được chia đôi nên các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm bồi thường ngang nhau. Tại phiên tòa các bị hại Lý Thị L4, Nông Văn T1 còn đưa ra yêu cầu bồi thường công tìm kiếm xe, tuy nhiên các bị hại không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho các khoản chi phí trên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lục Văn H1 là người nhận cầm cố biển kiểm soát 11L1-045.91 với S và L vào ngày 10/6/2019 tại nhà ở của H. H không biết biển kiểm soát xe máy này là do phạm tội mà có. Nên yêu cầu L và S phải có trách nhiệm phải bồi thường số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Quang Đ là người nhận cầm cố điện thoại OPPO màu hồng, số IMEIL1 867609031895071, số IMEIL2 867609031895063 lắp sim có số điện thoại 0333.946.426 và 0836.384.332 của L, với số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Nay cơ quan điều tra đã tạm giữ điện thoại trên. Anh Đ yêu cầu Sầm Văn L trả lại số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu văn P1, Triệu Văn S2 xác nhận xe máy các bị cáo trộm cắp là của anh em ruột trong gia đình là Triệu Văn N và Triệu Văn M nhờ đứng tên mua giúp nên không có ý kiến và yêu cầu gì. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Một xe máy Honda Wave alpha, màu đen bạc, biển kiểm soát 11L1-121.04, số khung 3913KY054170, số máy JA39E0910175 đăng ký xe mang tên Nông Thị Th; Một xe máy xe máy Honda Wave RSX, màu sơn vàng đen, BKS 11L1- 045.91 số khung RLHJA3110EY102157, số máy JA31E0192662, đăng ký xe mang tên Triệu Văn S2 là xe của anh Triệu Văn N là tài sản hợp pháp của các bị hại nên xét cần được trả lại cho các bị hại.

- Một điện thoại di động cảm ứng OPPO màu hồng, số IMEIL1: 867609031895071, số IMEL2: 867609031895063 lắp sim số: 0333.946.426 là điện thoại của Sầm Văn L; Một xe máy Yamaha Jupiter màu đỏ đen, biển kiểm soát 11L1-075.43, số khung RLCUE1340GY030680, số máy E3S1E063684 của Sầm Văn L và một Giấy đăng ký xe máy mang tên Sầm Văn L người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hứa Thị S1 là vợ của bị cáo Sầm Văn L trình bày xe Hon da Yamaha Jupiter màu đỏ đen, biển kiểm soát 11L1- 075.43, số khung RLCUE1340GY030680, số máy E3S1E063684 Giấy đăng ký xe mang tên Sầm Văn L là tài sản chung của hai vợ chồng. Xác định chiếc xe máy này ngày 07/11/2018 tổ công tác Công an huyện B đi tuần tra tại xóm N, thị trấn B phát hiện hai đối tượng sử dụng ma túy bỏ chạy, bỏ lại xe máy. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Sầm Văn L khai nhận nhiều lần dùng xe này làm phương tiện trộm cắp tài sản, điện thoại cũng dùng để liên lạc để bán xe trộm cắp. Thực tế chiếc xe này đã bị thu giữ tại Công an huyện B từ năm 2018 chị Hứa Thị S1 là vợ của bị cáo Sầm Văn L không biết và cũng không có ý kiến gì. Tại phiên tòa chị s1 không có ý kiến và yêu cầu gì. Xét cần tịch thu, phát mại nộp ngân sách nhà nước.

- Một xe máy Honda S, biển kiểm soát LIC709, số khung LTMPCHKA2G5114142, số máy G5007497; Một điện thoại cảm ứng, nhãn hiệu AOLE, số IMEL1: 863950022573184, số IMEL2: 863950022573184, lắp sim số : 008618277618179 của Sầm Văn S là tài sản mua tại TQ (theo lời khia của S) không rõ nguồn gốc xuất xứ nen xét cần tịch thu, phát mại nộp ngân sách nhà nước.

Toàn bộ số vật chứng trên đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 23/12/2019.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố các bị cáo Sầm Văn L, Sầm Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt: Bị cáo Sầm Văn L 10 (Mười) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo bị bắt 18/6/2019.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt: Bị cáo Sầm Văn S 10 (Mười) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo bị bắt 11/10/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015. Buộc các bị cáo Sầm Văn L, Sầm Văn S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

- Bà Nông Thị Ch, nơi cư trú Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 18.900.000đ (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 9.450.000đ (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 9.450.000đ (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ông Bàn Vần L2, nơi cư trú xóm P, xã H, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 15.008.000đ (Mười năm triệu không trăm linh tám nghìn đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 7.504.000đ (Bảy triệu năm trăm linh tư nghìn đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 7.504.000đ (Bảy triệu năm trăm linh tư nghìn đồng).

- Ông Hoàng Kìm H, nơi cư trú xóm N, xã H, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 20.145.000đ (Hai mươi triệu một trăm bốn mươi năm nghìn đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 10.072.500đ (Mười triệu không trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 10.072.500đ (Mười triệu không trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Ông Nông Văn T1, nơi cư trú xóm L, xã H, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ông Phủng Trần L3, nơi cư trú xóm L, xã X, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 24.300.000đ (Hai mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 12.150.000đ (Mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 12.150.000đ (Mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ông Vầy Văn B, nơi cư trú xóm K, xã C, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 17.790.500đ (Mười bảy triệu bảy trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 8.895.250đ (Tám triệu tám trăm chín mươi năm nghìn hai trăm năm mươi đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 8.895.250đ (Tám triệu tám trăm chín mươi năm nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- Bà Lý Thị L4, nơi cư trú xóm B, xã T, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 11.934.000đ (Mười một triệu chín trăm ba mươi tư nghìn đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 5.967.000đ (Năm triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 5.967.000đ (Năm triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

- Ông Đặng Tòn B1, nơi cư trú xóm T, xã K, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm nghìn đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm nghìn đồng).

- Ông Nông Văn L5, nơi cư trú xóm N, xã Đ, huyện Bl, tỉnh C một khoản tiền là 20.415.501đ (Hai mươi triệu bốn trăm mười năm nghìn năm trăm linh một đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 10.207.750đ (Mười triệu hai trăm linh

bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 10.207.750đ (Mười triệu hai trăm linh bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Ông Chảo Chàn T3, ơi cư trú xóm K, xã V, huyện Bl, tỉnh C một khoản tiền là 24.300.000đ (Hai mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 12.150.000đ (Mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 12.150.000đ (Mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ông Đặng Văn L6, nơi cư trú xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 22.320.000đ (Hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 11.160.000đ (Mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 11.160.000đ (Mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)

- Ông Triệu Văn M, nơi cư trú xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 17.544.000đ (Mười bảy triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 8.772.000đ (Tám triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 8.772.000đ (Tám triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Ông Nông Văn T2, nơi cư trú xóm C, xã H, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 19.746.000đ (Mười chín triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 9.873.000đ (Chín triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 9.873.000đ (Chín triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

- Ông Lục Văn H1, cư trú tại xóm T, xã K, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

- Ông Phạm Quang Đ, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú là Thôn M, xã V, huyện T, thành phố H; Nơi tạm trú: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh C một khoản tiền là 1.500.000đ (Một triệu đồng). Trong đó: Bị cáo Sầm Văn L phải bồi thường là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo Sầm Văn S phải bồi thường là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với từng khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự

- Trả lại cho bà Nông Thị Th, nơi cứ trú xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C một xe máy Honda Wave alpha, màu đen bạc, biển kiểm soát 11L1-121.04, số khung 3913KY054170, số máy JA39E0910175 không có chìa khóa xe, xe cũ đã qua sử dụng (Không gắn biển kiểm soát)

- Trả lại cho ông Triệu Văn N, nơi cư trú xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C một xe máy xe máy Honda Wave RSX, màu sơn vàng đen, BKS 11L1- 045.91 số khung RLHJA3110EY102157, số máy JA31E0192662, xe không có chìa khóa, không có gương bên phải, yếm bên phải bị vỡ, xe cũ đã qua sử dụng; Một biển kiểm soát 11L1-045.91.

- Tịch thu phát mại nộp công quỹ nhà nước: Một xe máy Yamaha Jupiter màu đỏ đen, biển kiểm soát 11L1- 075.43, số khung RLCUE1340GY030680, số máy E3S1E063684 của Sầm Văn L, xe không có chìa khóa xe, yếm bên trái bị vỡ, xe cũ đã qua sử dụng; Một Giấy đăng ký xe máy mang tên Sầm Văn L; Một biển kiểm soát 11L1-075.43; 02 (Hai) điện thoại gồm một điện thoại di động cảm ứng OPPO màu hồng, số IMEIL1: 867609031895071, số IMEL2: 867609031895063 lắp sim số: 0333.946.426 là điện thoại của Sầm Văn L; Một điện thoại cảm ứng, nhãn hiệu AOLE, số IMEL1: 863950022573184, số IMEL2: 863950022573184, lắp sim số : 008618277618179 của Sầm Văn S; Một xe máy Honda S, biển kiểm soát LIC709, số khung LTMPCHKA2G5114142, số máy G5007497.

Toàn bộ số vật chứng trên đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh C theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 23/12/2019.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Các bị cáo Sầm văn L và Sầm Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 262.903.000 x 5% = 13.145.150 : 2 = 6.572.575đ (Sáu triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi năm đồng). Các bị cáo Sầm Văn L và Sầm Văn S mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.572.575đ (Sáu triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi năm đồng) nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan S1, S2. Vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đ, H1, P1. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện, Trại giam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã P;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DOANH THỊ MÂY